

KẾT LUẬN

Việc phát triển công cụ quản lý tài liệu học phần mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả giảng viên và sinh viên trong quá trình giảng dạy và học tập. Giảng viên và sinh viên có thể dễ dàng truy cập và theo dõi các tài liệu chính thức, được cập nhật kịp thời và phù hợp với nội dung học phần. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian so với phương pháp quản lý thủ công mà còn nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý tài liệu. Thông qua công cụ, giảng viên có thể đề xuất tài liệu tham khảo mới, cập nhật nội dung tài liệu nhanh chóng. Sinh viên có thể đóng góp ý kiến hoặc đề xuất tài liệu mới để bổ sung, góp phần tăng cường tính tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Phần mềm giúp đảm bảo chất lượng nguồn tài liệu tham khảo, với các tài liệu uy tín và đã qua kiểm duyệt, đồng thời giúp sinh viên tiếp cận những kiến thức mới nhất, tránh việc sử dụng các tài liệu lỗi thời hoặc không phù hợp. Các tài liệu được tổ chức có hệ thống, phân loại rõ ràng theo học phần, chủ đề, giúp người dùng dễ dàng tra cứu và tìm kiếm tài liệu theo yêu cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Ngọc Tuấn (2024). “Phương pháp xây dựng cơ sở dữ liệu học phần: Chia sẻ kinh nghiệm

thực tế của trường Đại học HUTECH”. Trong Phương pháp xây dựng cơ sở dữ liệu môn học và dịch vụ hỗ trợ học thuật trong thư viện đại học, Nha Trang.

2. Lê Văn Trường (2012). “Xây dựng đề cương chi tiết học phần giúp sinh viên chủ động học tập”. Khoa học no. 39: tr.93-99.

3. Nguyễn Quý Hoàn (2012). “Xây dựng cơ sở dữ liệu tài liệu môn học - hình thức phục vụ hiệu quả cho đào tạo tín chỉ của thư viện đại học Nha Trang”. Tạp chí Thư viện Việt Nam no.1: tr.50-51.

4. Quyết định ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. 2007. Số 43/2007/QĐ-BGDĐT.

5. https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%A1_s%E1%BB%9F_d%E1%BB%AF_li%E1%BB%87u_th%C6%B0_m%E1%BB%A5c

6. Trần Thị Thúy Kiều (2024). “Quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu trong thư viện đại học”. Trong Phương pháp xây dựng cơ sở dữ liệu môn học và dịch vụ hỗ trợ học thuật trong thư viện đại học, Nha Trang.

7. Wagner, Jamie L., Kathryn J. Smith, Chris Johnson, Michelle L. Hilaire, và Melissa S. Medina. 2023. “Best Practices in Syllabus Design.” American journal of pharmaceutical education 87(3): ajpe8995. doi:10.5688/ajpe8995.

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TRANH BIỆN CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN KỊCH THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng Trường THPT Hoàng Cầu, Hà Nội

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, việc hình thành tư duy phản biện và khả năng lập luận cho học sinh trở thành yêu cầu cấp thiết. Bài viết tập trung nghiên cứu và thực nghiệm hệ thống giải pháp nhằm phát triển năng lực tranh biện cho học sinh trung học phổ thông thông qua dạy học đọc hiểu văn bản kịch - thể loại có tính xung đột và đối thoại cao. Trên cơ sở khảo sát 2.092 học sinh tại hai trường THPT trên địa bàn Hà Nội, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp: thiết lập môi trường “lớp học an toàn”, chuẩn hóa cấu trúc lập luận theo mô hình ARE/CER, thiết kế hệ thống câu hỏi tình huống và xây dựng bộ tiêu chí đánh giá Rubric theo định hướng năng lực. Kết quả thực nghiệm cho thấy sự cải thiện rõ rệt về kỹ năng lập luận và sự tự tin của

học sinh, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Trong bối cảnh triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, giáo dục Việt Nam đang chuyển từ tiếp cận nội dung sang phát triển phẩm chất và năng lực người học. Đối với môn Ngữ văn, yêu cầu không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận văn bản mà còn hướng tới năng lực trình bày, trao đổi và tranh luận về những vấn đề có nhiều cách hiểu khác nhau. Tranh biện, vì vậy, không chỉ là một kỹ năng giao tiếp mà còn là biểu hiện của tư duy phản biện - một năng lực cốt lõi của công dân trong xã hội hiện đại.

Trong hệ thống thể loại văn học, kịch bản là loại hình có nhiều điều kiện thuận lợi để tổ chức hoạt động tranh biện. Xung đột kịch, hệ thống đối thoại và

các tình huống lựa chọn mang tính giá trị tạo ra không gian lý tưởng để học sinh thể hiện quan điểm và phát triển lập luận. Tuy nhiên, thực tế dạy học cho thấy việc khai thác văn bản kịch trong nhà trường còn thiên về phân tích nội dung một chiều, chưa phát huy được đặc trưng đối thoại và tranh luận của thể loại.

Khảo sát trên 2.092 học sinh tại Trường THPT Hoàng Cầu và Trường THPT Quang Trung - Đống Đa cho thấy một số hạn chế đáng chú ý. Có tới 73,2% học sinh có xu hướng học tập thụ động, ngại bày tỏ quan điểm; khoảng 60% học sinh chưa biết sử dụng dẫn chứng để bảo vệ ý kiến; chỉ 9,5% học sinh đạt yêu cầu về lập luận đa chiều theo các mô hình quốc tế. Bên cạnh đó, trong thực tiễn giảng dạy, việc đặt câu hỏi còn thiên về tái hiện kiến thức, chưa tạo được không gian cho học sinh thực hành phản biện.



Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất hệ thống giải pháp nhằm phát triển năng lực tranh biện cho học sinh theo hướng đồng bộ. Trước hết, việc xây dựng “lớp học an toàn” được coi là nền tảng tâm lý, trong đó sự khác biệt quan điểm được tôn trọng và học sinh có quyền thử nghiệm, sai và điều chỉnh. Giáo viên chuyển từ vai trò truyền đạt sang điều phối, khuyến khích học sinh đối thoại trực tiếp thông qua các kỹ thuật như chờ đợi tích cực và phản hồi mở.

Tiếp theo, việc chuẩn hóa cấu trúc lập luận theo các mô hình ARE (Assertion - Reasoning - Evidence) và CER (Claim - Evidence - Reasoning) giúp học sinh hình thành thói quen lập luận có căn cứ. Thay vì trình bày cảm nhận cảm tính, học sinh được hướng dẫn khai thác chi tiết văn bản như lời thoại, hành động và chỉ dẫn sân khấu để làm cơ sở cho lập luận.

Song song với đó, hệ thống câu hỏi trong giờ học được thiết kế theo hướng mở, gắn với các tình huống lựa chọn có tính chất “lưỡng nan”, buộc học sinh cân nhắc giữa các giá trị khác nhau. Các hình thức tổ chức như “đường thẳng quan điểm” hoặc “phiên tòa

giả định” được sử dụng để tăng cường tương tác và tạo môi trường tranh biện thực chất.

Để đảm bảo tính khách quan trong đánh giá, nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí Rubric gồm các thành phần: nội dung lập luận, kỹ năng phản biện và phong cách trình bày. Việc kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng giúp học sinh nhận diện rõ điểm mạnh và hạn chế của bản thân.

Kết quả thực nghiệm sau một học kỳ cho thấy những chuyển biến tích cực. Tỷ lệ học sinh thụ động giảm từ 62,7% xuống còn 25%; tỷ lệ học sinh biết sử dụng lập luận có dẫn chứng tăng từ 15,7% lên 48,2%. Học sinh thể hiện rõ sự tự tin hơn trong giao tiếp học thuật, đồng thời có khả năng tiếp cận văn bản dưới nhiều góc độ khác nhau. Không khí lớp học cũng trở nên cởi mở, tăng cường tương tác và thúc đẩy tư duy độc lập.

Những kết quả này cho thấy việc tích hợp hoạt động tranh biện trong dạy học văn bản kịch là hướng đi phù hợp với định hướng phát triển năng lực của Chương trình GDPT 2018. Khi được trang bị công cụ lập luận và môi trường học tập tích cực, học sinh không chỉ nâng cao năng lực ngôn ngữ mà còn hình thành tư duy phản biện và khả năng thích ứng với các vấn đề xã hội phức tạp.

Để mô hình này được triển khai hiệu quả và bền vững, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý và đội ngũ giáo viên. Cần tăng cường thiết kế câu hỏi mở trong kiểm tra, đánh giá; tạo điều kiện về không gian lớp học linh hoạt; đồng thời bồi dưỡng giáo viên về các phương pháp dạy học phát triển năng lực.

Có thể khẳng định rằng, việc trao cho học sinh cơ hội được trình bày quan điểm, tham gia tranh luận và tự điều chỉnh nhận thức chính là con đường hiệu quả để hiện thực hóa mục tiêu đổi mới giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và môn Ngữ văn.
2. Nguyễn Thị Kiều Hạnh (2026). Báo cáo sáng kiến: Phát huy năng lực tranh biện trong dạy học văn bản kịch, Trường THPT Hoàng Cầu.
3. Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (2024-2026). Các văn bản hướng dẫn chuyên môn.
4. Dữ liệu khảo sát tại Trường THPT Hoàng Cầu và Trường THPT Quang Trung - Đống Đa (2025-2026).